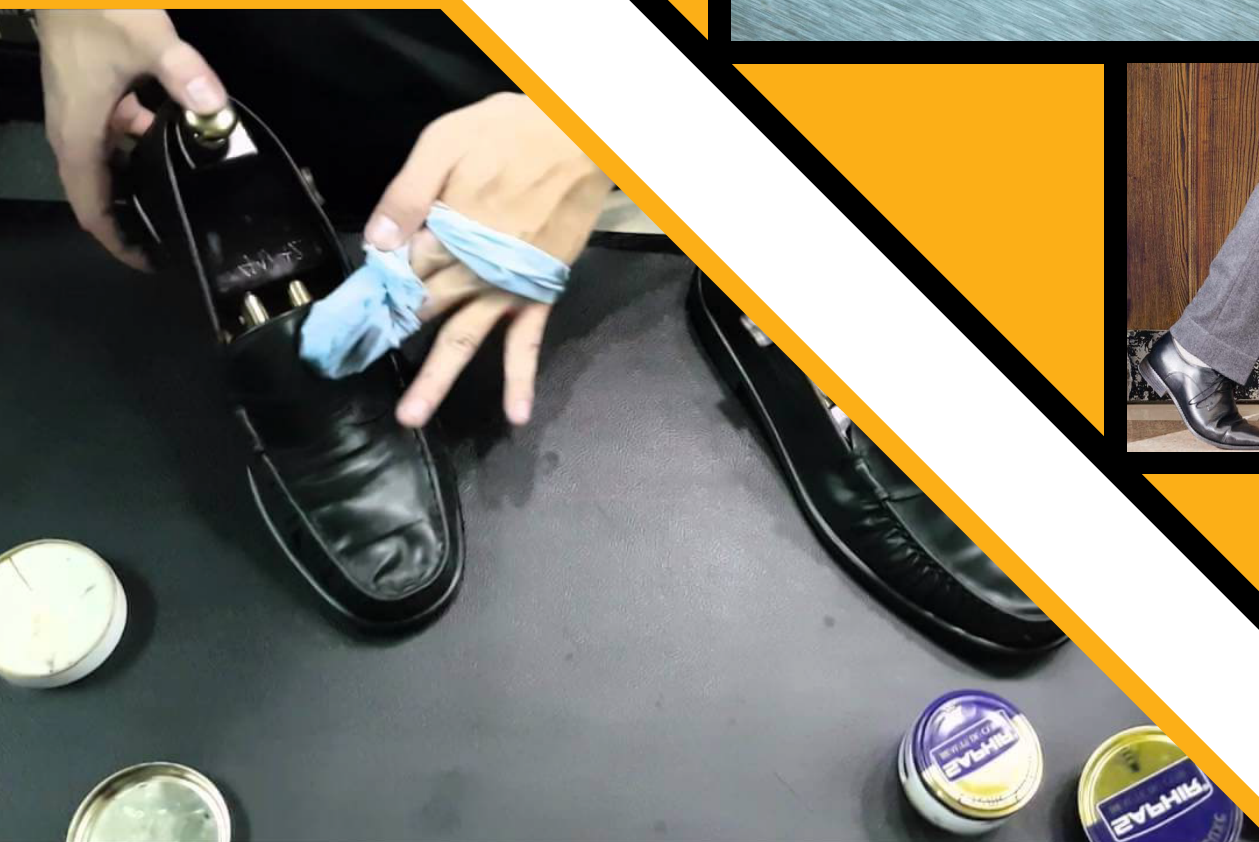




VIETNAM LEATHER, FOOTWEAR
AND HANDBAGS INDUSTRY

QUY ĐỊNH CỦA EU VÀ VIỆT NAM
VỀ QUY CHUẨN & TIÊU CHUẨN ĐỐI VỚI

SẢN PHẨM DA GIÀY



Mục Lục

0. Lời mở đầu

I. Hiệp định TBT của WTO

II. Hệ thống luật của EU về Quy chuẩn và Tiêu chuẩn kỹ thuật

III. Hệ thống pháp lý của Việt Nam liên quan đến Quy chuẩn và Tiêu chuẩn kỹ thuật

IV. So sánh hệ thống quản lý chất lượng hàng hóa

V. Đánh giá năng lực kiểm định tại Việt Nam

VI. Đàm phán mở cửa thị trường da-giấy trong các FTA và TPP của Việt Nam

VII. Quy tắc xuất xứ hàng hóa và tiếp cận thị trường

VIII. Cơ hội và Thách thức

IX. Các giải pháp và kiến nghị

VƯỢT QUA THÁCH THỨC, NẮM LẤY CƠ HỘI TỪ HỘI NHẬP

Cộng đồng doanh nghiệp cả nước đều hồ hởi trước những tin tức dồn dập về các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam vừa ký kết, giúp cho đất nước hội nhập sâu vào thương mại toàn cầu. Ngay trước kỳ nghỉ Tết năm 2016, ngày 4/2/2016 Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) đã chính thức được ký kết, dự kiến giúp Việt Nam tăng thêm 23 tỷ USD vào năm 2020 và tăng thêm 33 tỷ USD vào năm 2025.

Cùng lúc, các hiệp định FTA Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA), Việt Nam – Liên minh kinh tế Á – Âu, Việt Nam – EU (EVFTA) được ký kết và Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) được thành lập, càng làm tăng thêm cơ hội đầu tư phát triển và mở rộng thị trường xuất khẩu, khi các mức thuế nhập khẩu dần về 0% trong những năm tới tại các thị trường xuất khẩu chủ chốt của Việt Nam. Các hiệp định FTA thế hệ mới nêu trên còn đem lại những cơ hội cải cách thể chế và tạo nhiều thuận lợi thu hút đầu tư nước ngoài.

Tuy nhiên, những thách thức cũng rất lớn. Tại các thị trường xuất khẩu, các nước tìm cách tăng cường các rào cản kỹ thuật và thương mại (TBT) nhằm gây khó khăn cho các doanh nghiệp Việt Nam. Tại thị trường trong nước, hàng hóa từ các nước láng giềng ASEAN, như Thái Lan, Indonesia, Philipin... và cả từ các nước châu Á khác như Trung quốc, Ấn Độ sẽ tràn vào Việt Nam, chiếm lĩnh thị trường nội địa. Kinh tế Việt Nam có độ mở lớn hơn, do đó dễ bị tác động hơn với những biến động trên thị trường thế giới về tỷ giá, giá dầu mỏ, hay những biến động về chính trị khác.

Trong nhiều năm qua, ngành Da-Giấy Việt Nam đã vượt qua nhiều giai đoạn thăng trầm, để đến hôm nay trở thành một trong những ngành hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam và có vị trí cao trên thị trường thế giới với năng lực cạnh tranh ngày càng nâng cao. Tài liệu này giới thiệu tóm tắt các nội dung liên quan TBT, nhằm giúp các doanh nghiệp vượt qua những thách thức và nắm bắt những cơ hội lớn của hội nhập.

LEFASO





HIỆP ĐỊNH TBT CỦA WTO

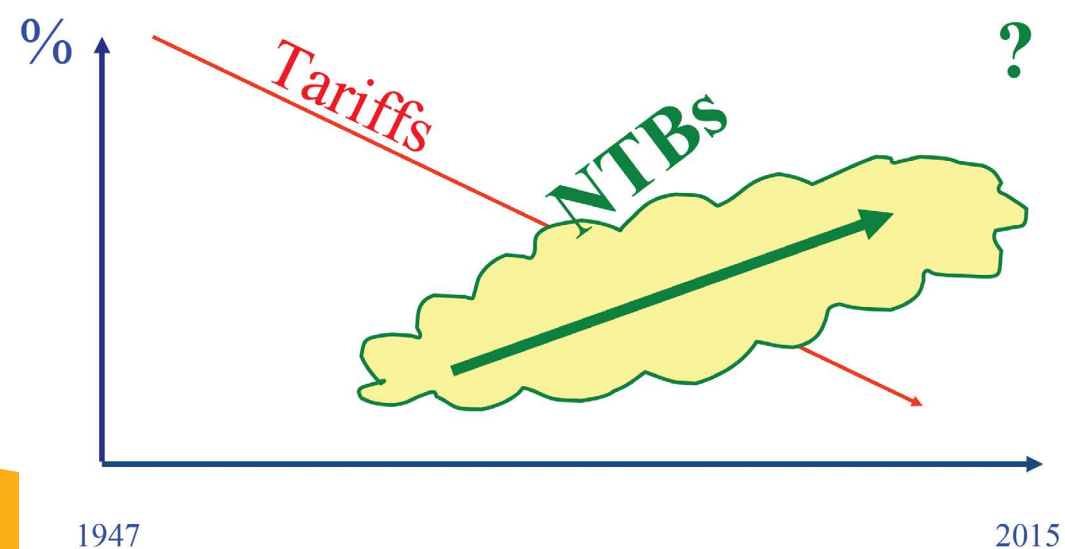
I. 1 VÀI SỐ LIỆU VỀ WTO:

153	thành viên WTO
30	quan sát viên
85%	tổng thương mại hàng hoá
90%	tổng thương mại dịch vụ
95%	GDP toàn cầu
6,5	tỷ người: Thị trường toàn cầu



WTO
Ngoài WTO

Trong 68 năm qua hàng rào thuế quan (Tariffs) giảm dần xuống, trong khi rào cản phi thuế quan (NTBs) tăng dần lên



I.2 CÁC TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

NƯỚC A

- Các Tiêu chuẩn
- Các Quy chuẩn kỹ thuật
- Các Quy trình đánh giá sự phù hợp
- Các Biện pháp kiểm dịch động vật
- Các Biện pháp kiểm dịch thực vật

NƯỚC B

- Các Tiêu chuẩn
- Các Quy chuẩn kỹ thuật
- Các Quy trình đánh giá sự phù hợp
- Các Biện pháp kiểm dịch động vật
- Các Biện pháp kiểm dịch thực vật

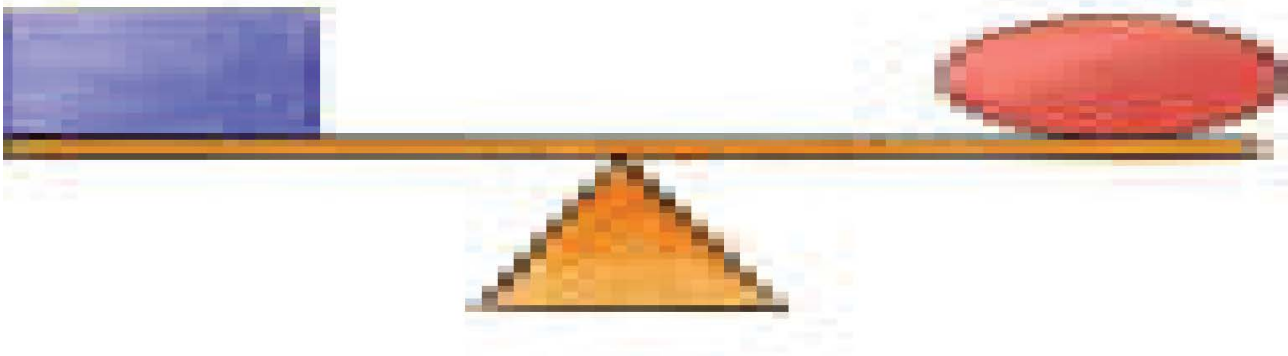
HẢI QUAN



I.3 MỤC TIÊU CỦA HIỆP ĐỊNH TBT CỦA WTO

- Đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy trình đánh giá sự phù hợp không gây ra các trở ngại cho thương mại quốc tế.
- Không ngăn cản các nước áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo chất lượng hàng xuất khẩu, bảo vệ sức khỏe, an toàn cuộc sống của người, động thực vật, bảo vệ môi trường, chống gian lận thương mại, đảm bảo an ninh quốc gia.

Thừa nhận tầm quan trọng của Tiêu Chuẩn Quốc Tế và các Hệ Thống Quốc Tế về Đánh Giá Sự Phù Hợp trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh thương mại



I.4 PHẠM VI CỦA HIỆP ĐỊNH TBT



II. HỆ THỐNG LUẬT EU VỀ QUY CHUẨN VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Chính sách thương mại của Liên minh Châu Âu (EU) được ban hành bởi Nghị viện và Ủy ban châu Âu (EC) đưa ra quy định pháp lý cần thiết, thông qua các “quy chuẩn (regulation)” và “chỉ thị (directive)” về an toàn tiêu dùng, sức khỏe, môi trường...

- Các tổ chức tiêu chuẩn của EU (CEN, CENELEC, ETSI...) xây dựng các “tiêu chuẩn” với các chỉ tiêu kỹ thuật đáp ứng các qui định cần thiết.
- Các quy chuẩn có tính bắt buộc:
 - Sử dụng hóa chất trong quy trình chế tạo (REACH)
 - Sử dụng tên hàng dệt và dán nhãn các thành phần sợi
 - Đóng gói...
- Các tiêu chuẩn có tính tự nguyện:
 - Thiết kế thân thiện môi trường, nhân sinh thái...
 - Các tiêu chuẩn ISO, các tiêu chuẩn tư nhân



II.1 CÁC QUY ĐỊNH CỦA EU ĐỐI VỚI SẢN PHẨM DA GIÀY

- ♦ Chỉ thị về an toàn sản phẩm (2001/95/EC);
- ♦ Chỉ thị về gắn nhãn cho hàng da giày (94/11/EC);
- ♦ Quy định EC/1007/2011 về tên xơ dệt và nhãn thành phần xơ dệt;
- ♦ Quy định EC/1907/2006 (REACH) về đăng ký, thông báo, đánh giá và cấp phép hóa chất, liên quan đến sản phẩm dệt may, da giày và phụ kiện;
- ♦ Chỉ thị 94/62/EC về bao bì và chất thải từ bao bì, trong đó qui định nồng độ tối đa kim loại nặng thải ra;
- ♦ Chỉ thị về thiết kế thiết bị bảo hộ (89/686/EEC);
- ♦ Quy định về nhãn khác: nhãn cỡ số, nhãn sinh thái...
- ♦ Các quy định riêng của các nước thành viên: Đức, Na Uy, Hà Lan

II.1.1 CHỈ THỊ CỦA EU VỀ AN TOÀN (2001/95/EC) SẢN PHẨM DA-GIÀY

Tính an toàn bắt buộc của sản phẩm Da giày tập trung vào các chỉ tiêu cơ lý của sản phẩm có thể ảnh hưởng tới an toàn và sức khỏe người dùng; Các chỉ tiêu khác liên quan tới tính an toàn: độ bền thấm nước ...

Các chỉ tiêu quan trọng về chất lượng sản phẩm và thương hiệu:

- Độ bền của đế, độ bền mài mòn đế ngoài; độ bền màu, độ thấm mồ hôi ...
- Độ bền gắn giữa gót giày với các bộ phận khác.
- Độ bền gắn của đế gót với gót giày
- Độ bền gắn của đế giày
- Độ bền trượt của đế và đế gót:
- Các điểm nhọn, cạnh sắc
- Độ bền đường may

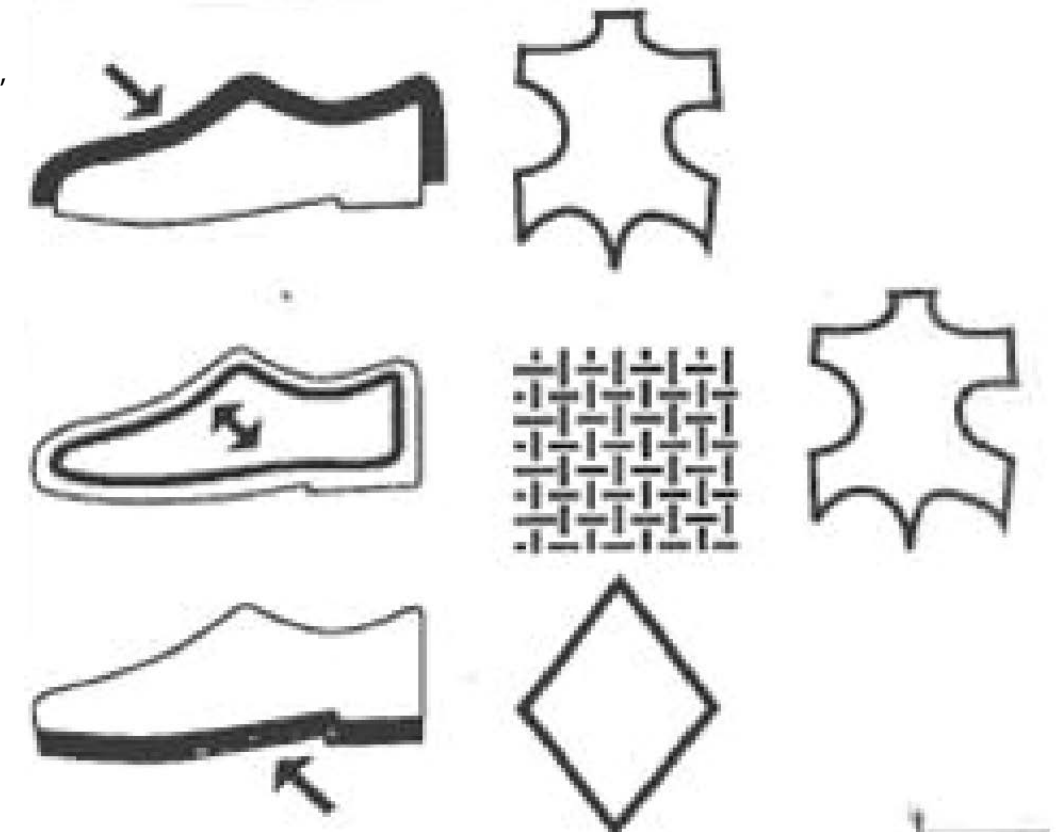


II.1.2 CHỈ THỊ CỦA EU VỀ NHÃN MÁC ĐỐI VỚI DA GIÀY (94/11/EC)

- Giày bán tại EU phải ghi trên nhãn vật liệu của các bộ phận chính (mũ giày, lót mũ giày, đế trong, đế ngoài);
- Chỉ vật liệu chiếm 80% bề mặt bộ phận chính mới phải ghi nhãn;
- Nhãn giày có thể bằng chữ hoặc hình vẽ;
- Nhãn phải dễ nhìn, gắn bền và có thể gắn trên một chiếc của đôi giày
- Nhà sản xuất, nhập khẩu chịu trách nhiệm cung cấp thông tin và bảo đảm tính chính xác của nhãn;
- Lót giữ ấm tuân thủ thông tư 2008/121/EC ngày 14-1-2009 về tên xơ dệt.

VÍ DỤ:

Mũ giày: bằng da,
Lót mũ giày: bằng vải,
Đế trong: bằng da
Đế ngoài: bằng PU



II.1.3 QUY CHUẨN VỀ AN TOÀN HÓA CHẤT (REACH 1907/2006/EC) (VỀ ĐĂNG KÝ, THÔNG BÁO, ĐÁNH GIÁ, CẤP PHÉP SỬ DỤNG HÓA CHẤT)

Là các quy định quản lý hóa chất nghiêm ngặt và phức tạp nhất trên thế giới

Phạm vi: Các chất, các hỗn hợp hoặc chế phẩm (mỗi sản phẩm da-giày là một chế phẩm).

Trách nhiệm thông báo: Các công ty phải thông báo cho Cơ quan quản lý hóa chất của EU (ECHA) về sản phẩm có chứa chất có mối nguy hại cao (SVHC) và bị cấm đưa ra thị trường khi chất đó:

- Có trong sản phẩm với nồng độ trên 0,1% khối lượng;
- Có trong sản phẩm với tổng lượng > 1 tấn /năm
- Phải cung cấp thông tin miễn phí trong vòng 45 ngày khi có yêu cầu

Phụ lục XIV của REACH: Danh mục các chất yêu cầu phải được cấp phép của ECHA trước khi bán sản phẩm ra thị trường: Các chất (CMRs: chất gây ung thư, đột biến gen, độc và tái sinh sản); PBTs và vPvBs... - Danh mục này được cập nhật, bổ sung liên tục hàng năm (6 tháng/lần).

Phụ lục XVII của REACH: Danh mục các chất cấm, hạn chế nếu có trong sản phẩm da-giày:

- Nguyên liệu dệt (giấy vải): Azo dyes, thuốc nhuộm phân tán, hợp chất phenolclo hóa: PCP, TeCP và TriC; chất chống cháy: Tris(2,3 dibromopropyl) phosphat(TRIS), Tris(aziridinyl) phosphineoxide(TEPA) và Polybromobiphen (PBB); hợp chất hữu cơ thiếc; các kim loại nặng có thể chiết:
- Nguyên liệu da: thuốc nhuộm azo, Crom VI, Cadmium
- Nguyên liệu nhựa: Dimethyl Fumarat
- Phụ kiện kim loại: Nikel giải phóng; kim loại nặng trong bao bì thải bỏ...



II.2 CÁC TIÊU CHUẨN EU ĐỐI VỚI SẢN PHẨM DA GIÀY

■ Các tiêu chuẩn Châu Âu: Ủy ban tiêu chuẩn Châu Âu (CEN), Ủy ban Châu Âu về tiêu chuẩn hóa kỹ thuật điện (CENELEC) và Viện tiêu chuẩn viễn thông Châu Âu (ETSI) có nhiệm vụ xây dựng các tiêu chuẩn chung (EN) của EU.

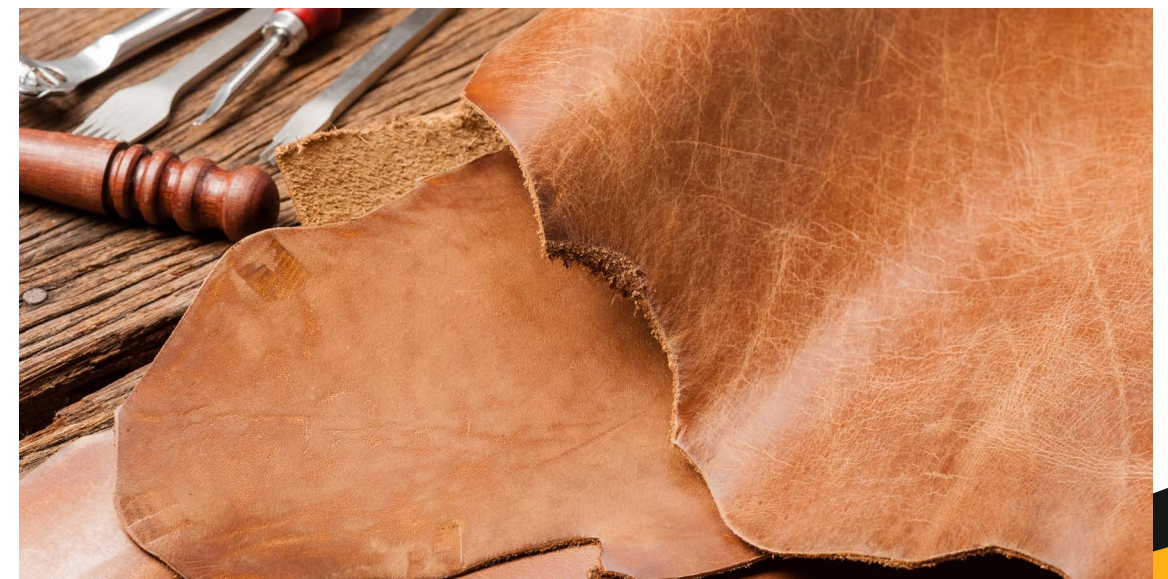
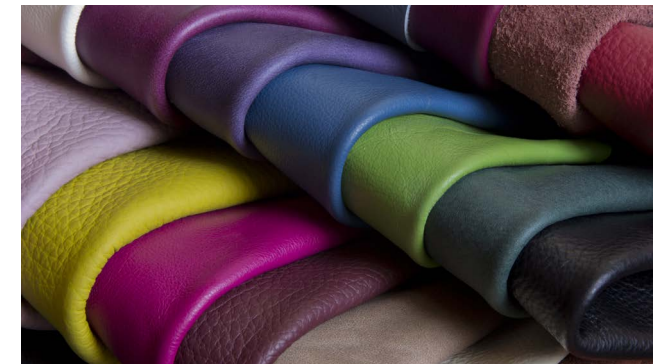
■ Áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế: ISO (hàng hóa), IEC (điện), ITU (viễn thông). Các tiêu chuẩn EN được điều phối, tích hợp đảm bảo phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế (ISO).

■ Các tiêu chuẩn đồ da: CEN xây dựng tiêu chuẩn

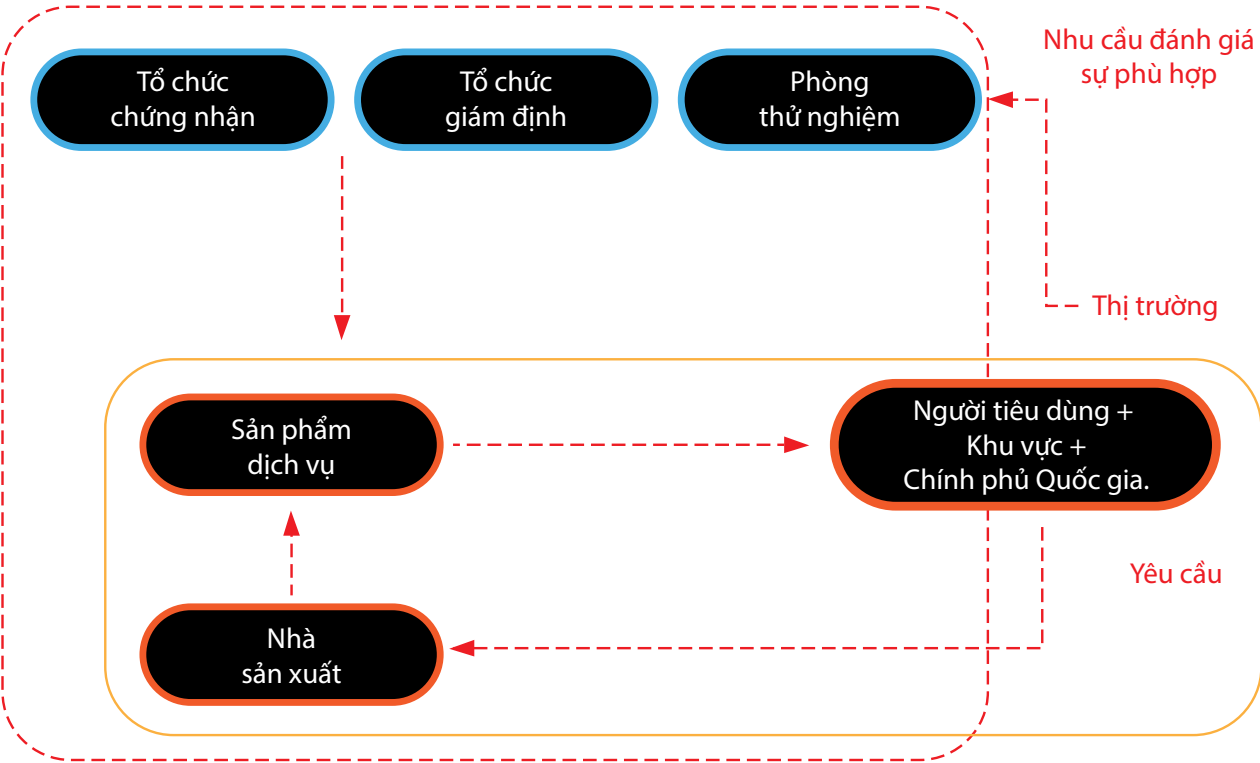
EN về đồ da vận dụng các quy định của IULTCS (Liên minh QT các hội công nghệ và hóa chất ngành da), kết hợp áp dụng các Tiêu chuẩn ISO. Hiện có 106 Tiêu chuẩn EN của EU đối với sản phẩm da-giày, trong đó có một số Tiêu chuẩn ISO được áp dụng như là Tiêu chuẩn EU. Thông tin có tại: <http://www.iultcs.org/home.asp>.

■ Hoạt động công nhận:

- Tổ chức hợp tác về công nhận của EU (EA) đưa ra các yêu cầu về công nhận trong kinh doanh sản phẩm, trên cơ sở các tiêu chuẩn quốc tế;
- Thương mại giữa EU và các nước thực hiện thông qua các hiệp định công nhận chung và các chương trình hợp tác kỹ thuật;
- Các nước áp dụng hệ thống của EU được xóa bỏ các rào cản kỹ thuật trong thương mại (TBT) và tăng khả năng tiếp cận thị trường EU;
- Các tổ chức công nhận ngoài EU ký kết hiệp định song phương với EA sẽ cho phép công nhận kết quả chứng nhận, giám định và thử nghiệm của các tổ chức này tại thị trường EU.

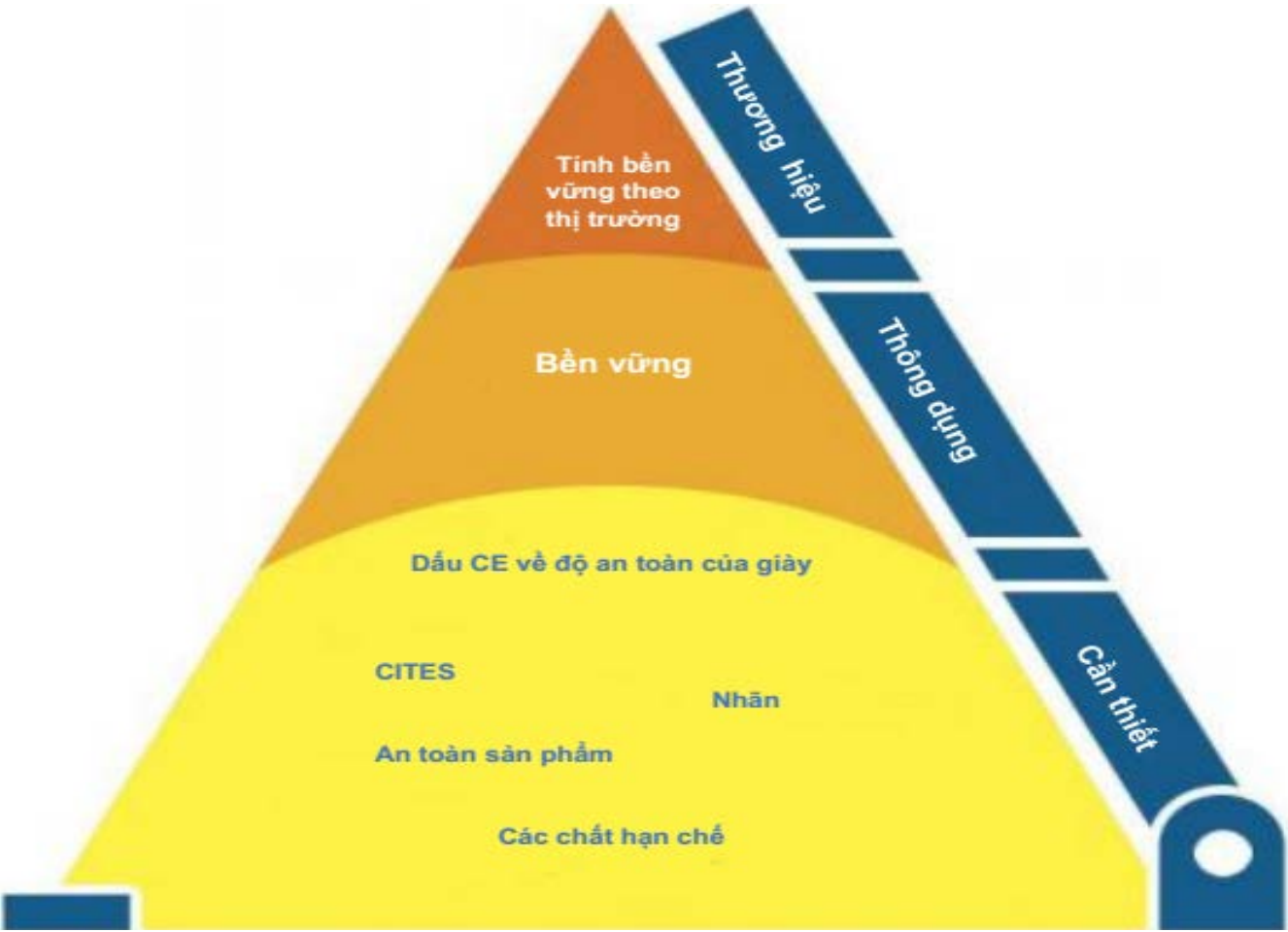


II.3 THỊ TRƯỜNG VÀ SỰ ĐÁNH GIÁ PHÙ HỢP



II.4 YÊU CẦU CỦA NGƯỜI MUA EU ĐỐI VỚI SẢN PHẨM DỆT MAY, DA GIẤY

- **Các yêu cầu pháp lý:** Là các yêu cầu tối thiểu, bắt buộc phải áp dụng.
- **Yêu cầu của các công ty, của thương hiệu:** là các yêu cầu cần tuân thủ để thâm nhập thị trường. Thường là tiêu chuẩn về hóa chất, môi trường và trách nhiệm xã hội.
- **Các yêu cầu thị trường ngách:** cho các phạm vi cụ thể
- **Nhãn sinh thái:** nhãn thiên thần xanh, nhãn thiên nga Bắc Âu, nhãn tiết kiệm năng lượng ...





II.5. XU HƯỚNG SẢN XUẤT VÀ TIÊU DÙNG DA GIÀY TRÊN THẾ GIỚI

- ♦ **Các nước nhập khẩu, nhà bán lẻ và người tiêu dùng yêu cầu ngày càng cao:**
Chất lượng, tiện nghi, thời trang tốt hơn, nhạy cảm hơn với các vấn đề an toàn, môi trường, trách nhiệm xã hội. Nhưng giá cả phải hợp lý.
- ♦ **Các nhà bán lẻ kiểm soát việc thiết kế, marketing, vận chuyển và phân phối:**
Họ xác định nguồn hàng, lựa chọn các nhà cung ứng sản phẩm da giày, sản xuất nguyên phụ liệu, kiểm soát hệ thống chất lượng và các điều kiện khác...
- ♦ **Giá trị cốt lõi của các quốc gia và doanh nghiệp theo định hướng xuất khẩu:**
Là khả năng xâm nhập được vào chuỗi cung ứng toàn cầu để phát triển sản xuất sản phẩm da giày, thông qua tăng năng lực cạnh tranh.
- ♦ **Đổi mới là yếu tố quan trọng để giành lợi thế cạnh tranh:**
Đổi mới công nghệ, thiết kế dịch vụ/sản phẩm, quản lý sản xuất và sản phẩm, phân phối; đáp ứng yêu cầu của người mua tại các nước nhập khẩu

III. HỆ THỐNG PHÁP LÝ CỦA VIỆT NAM VỀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

1. Quốc hội ban hành các luật:

Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn Việt Nam - 2006
Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa 2007

2. Chính phủ ban hành các nghị định thực thi luật

Nghị định 132/2008/NĐ-CP: Qui định chi tiết luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa
Nghị định 127/2007/NĐ-CP: Qui định chi tiết luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn
Nghị định 89/2006/ND-CP ngày 30/8/2006 về ghi nhãn sản phẩm hàng hóa

3. Các Bộ chuyên ngành ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) và Thông tư:

QCVN 13-MT:2015/BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường về nước thải CN dệt may
Thông tư 37/2015/TT-BCT (thay thế 32/2009/TT-BCT) của Bộ Công Thương quy định giới hạn cho phép đối với hàm lượng formaldehyt và các amin thơm.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ (MOST) ban hành và quản lý các Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN):

Viện Tiêu chuẩn và Chất lượng Việt Nam (VSQI) thuộc STAMEQ chịu trách nhiệm xây dựng và phát hành các Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN).
BOA là tổ chức công nhận các tổ chức đánh giá sự phù hợp tại Việt Nam
Hiện Việt Nam có 118 TCVN liên quan đến Dệt May và Da giày. Chi tiết tham khảo: <http://www.tcvn.net/page/tcvn/view/list/2043/Det--May-Da-giay>
Khoảng 40% TCVN được hài hòa hóa với các tiêu chuẩn quốc tế (như ISO, IEC, Codex...).



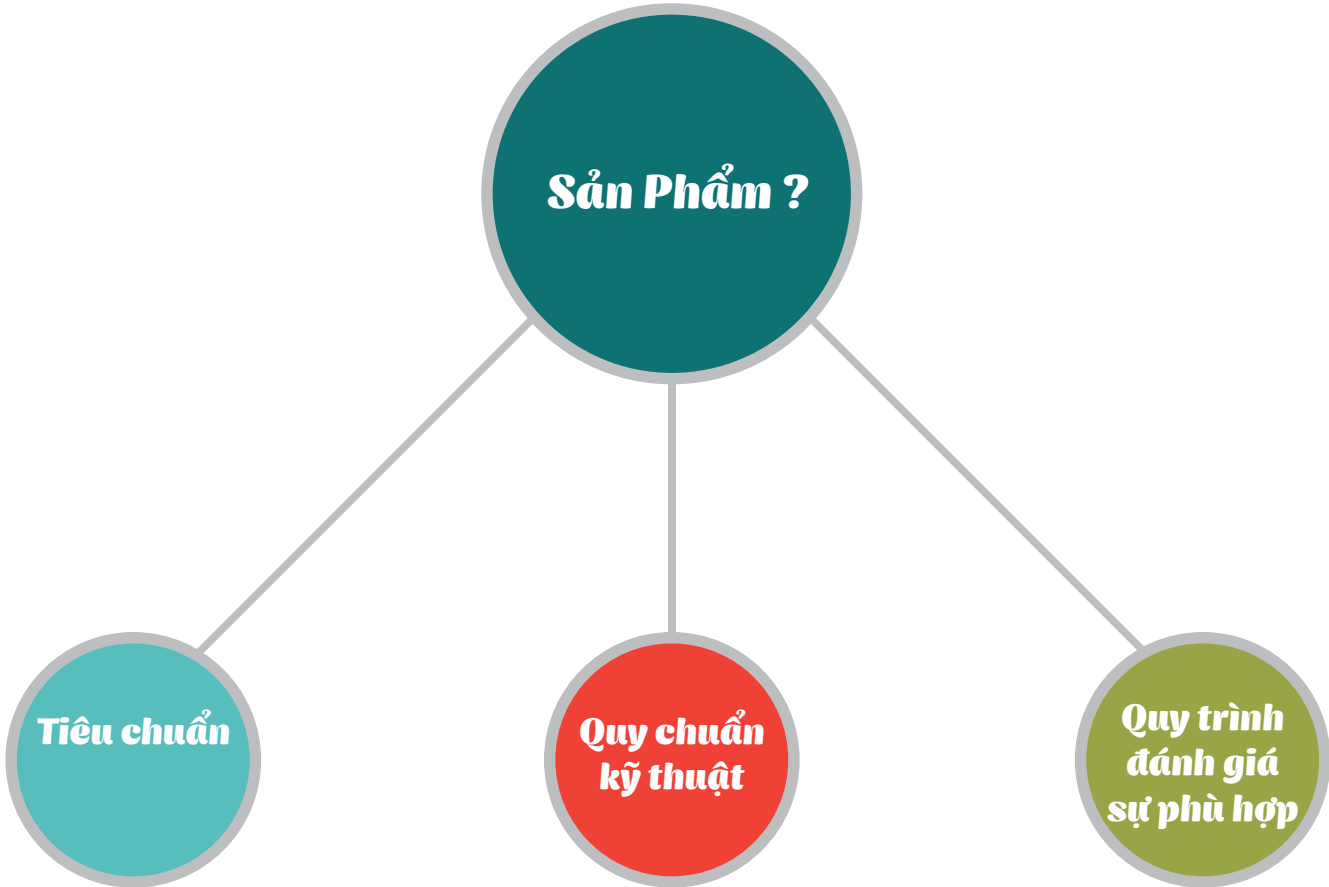
IV. SO SÁNH HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA

HỆ THỐNG	EU	VIỆT NAM
QUY CHUẨN	- Bắt buộc tuân thủ -Do các Ủy ban của EU (ENTR, ENV, SAN-CO) xây dựng.	- Tuân thủ bắt buộc - Do các Bộ chuyên ngành ban hành
TIÊU CHUẨN	- Tuân thủ tự nguyện; - Tổ chức tiêu chuẩn của EU (CEN, CENELEC, ETSI..) xây dựng các tiêu chuẩn với các chỉ tiêu kỹ thuật tương ứng, đáp ứng các “qui định cần thiết” - Các tiêu chuẩn EN được hài hòa hóa trên quy mô quốc tế: ISO và các hiệp hội lớn tại Châu Âu	- Tuân thủ tự nguyện; - Viện Tiêu chuẩn và Chất lượng Việt Nam (VSQI) thuộc STAMEQ chịu trách nhiệm xây dựng và ban hành các TCVN. - Các TCVN được hài hòa hóa với các tiêu chuẩn quốc tế và khu vực; các chỉ tiêu chưa có TCVN có thể chấp nhận các tiêu chuẩn quốc tế tương ứng.
CÔNG NHẬN	- Tổ chức hợp tác châu Âu về công nhận (EA) là cơ quan phụ trách các cơ sở công nhận ở châu Âu; - EA hoạt động trên cơ sở các tiêu chuẩn quốc tế: - EA phụ trách về công nhận chung tại EU đối với các tổ chức công nhận là thành viên EA	- Tổ chức BOA phụ trách công nhận chung các tổ chức CA thông qua ILAC, IAF, PAC, APLAC - Đánh giá hợp chuẩn hợp quy của STAMEQ, tiếp nhận đăng ký của các tổ chức đánh giá sự phù hợp CA .

HỆ THỐNG	EU	VIỆT NAM
CÔNG NHẬN LẦN NHAU	- Hiệp định đa phương EA (MLA) ký giữa các thành viên EU công nhận các tổ chức CA của các nước EU, công nhận các kết quả thử nghiệm, chứng nhận và giám định - Các tổ chức công nhận ngoài EU, ký kết hiệp định song phương với EA, theo các điều kiện áp dụng cho thành viên của EA (MLA), sẽ cho phép các sản phẩm được thử nghiệm bởi các tổ chức này tiếp cận thị trường châu Âu.	- BOA là tổ chức công nhận tại Việt Nam - Chưa có cơ chế công nhận chung nào giữa EA của EU và BOA của Việt Nam. Vấn đề này cần giải quyết thông qua một hiệp định song phương sẽ ký giữa Việt Nam và EU.



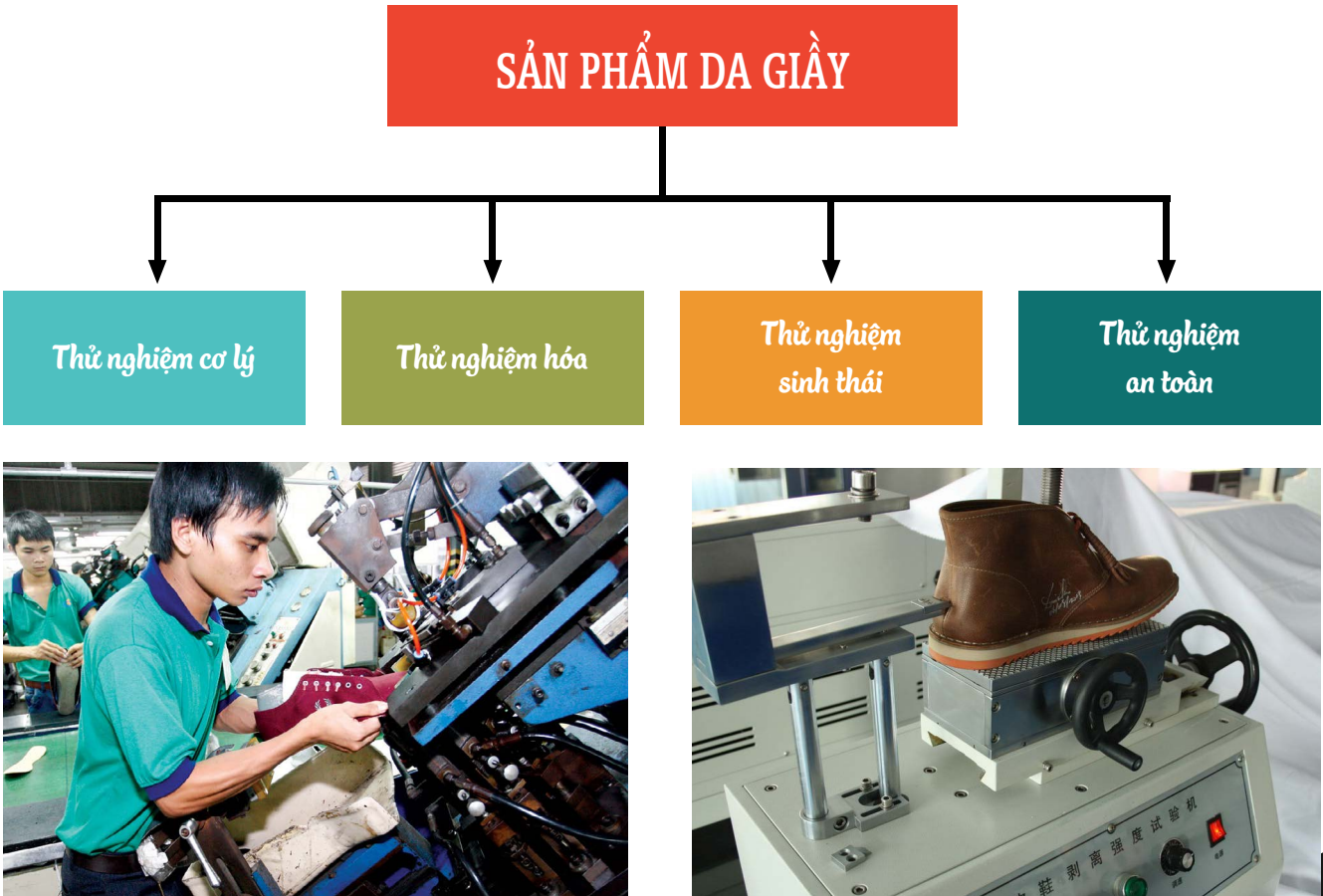
III. HỆ THỐNG PHÁP LÝ CỦA VIỆT NAM
VỀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT



V.1 THỊ TRƯỜNG THỬ NGHIỆM SẢN PHẨM DA GIẤY TẠI VIỆT NAM

- Việt Nam nằm trong nhóm 3 nước sản xuất sản phẩm da và giấy dép lớn nhất thế giới và xuất khẩu hàng da và giấy đứng thứ 2 thế giới.
- Năm 2015 kim ngạch xuất khẩu sản phẩm da và giấy dép đạt 15 tỷ USD. Mức tăng trưởng trung bình 15%/năm trong 05 năm gần đây. Thị trường xuất khẩu chính là: Mỹ, EU, Nhật Bản.
- Số lượng các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh hàng da và giấy dép tại VN phát triển rất nhanh, năm 2015 có gần 900 doanh nghiệp, chưa kể các doanh nghiệp nhỏ tại các làng nghề.
- Thị trường thử nghiệm sản phẩm da-giấy tại VN dự báo sẽ tăng trưởng nhanh. Giai đoạn 2015 - 2020 dự kiến tăng trung bình 10%/năm.
- Các công ty thử nghiệm đa quốc gia hoạt động tại Việt Nam (BV, Intertex, SGS, TUV) chiếm tỷ lệ gần 90% thị phần thử nghiệm tại Việt Nam.

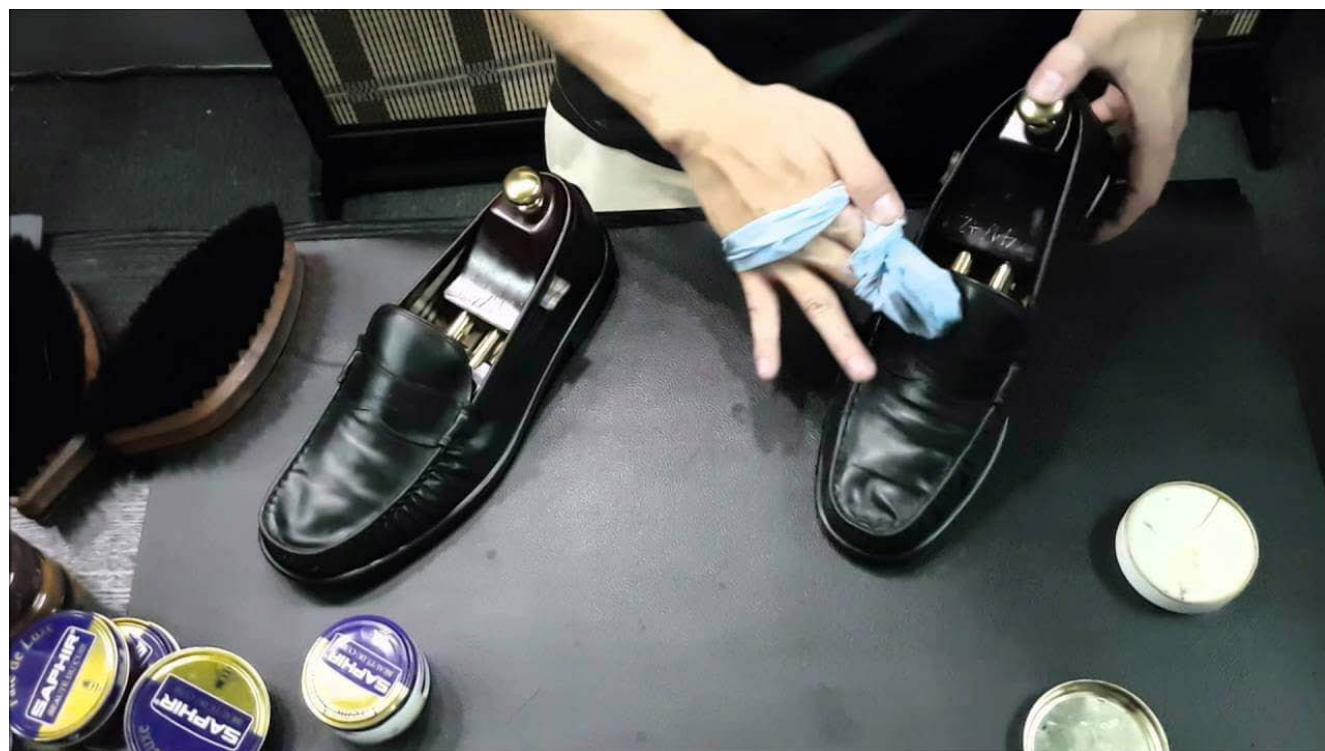
V.2 CÁC CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM



V.3 CÁC PHÒNG THỬ NGHIỆM TẠI VIỆT NAM CHO SẢN PHẨM DỆT MAY VÀ DA GIẤY

**Các phòng thử nghiệm tại Việt Nam được Bộ Công Thương
chỉ định làm thử nghiệm hàng dệt may – da giấy**

1. Trung tâm thí nghiệm dệt may – Viện Dệt may tại Hà Nội
2. Trung tâm Thí nghiệm dệt may – Phân Viện Dệt may TP HCM
3. Quatest 1
4. Quatest 3
5. Phòng thí nghiệm hóa – Vinacontrol Hải Phòng
6. Công ty TNHH Bureau Veritas Consumer Products Services Viet Nam
7. Textile and Chemical Laboratory-Intertek Vietnam
8. Textile and Footwear laboratory - SGS Viet Nam LTD;
9. Công ty TNHH TUV Rheinland Việt Nam
10. Công ty TNHH TUV SUB PSB Việt Nam
11. Viện Da Giấy tại Hà nội và Tp.HCM
12. Công ty TNHH thử nghiệm hàng tiêu dùng



V.4 CÁC DỊCH VỤ THỬ NGHIỆM QUỐC TẾ TẠI VIỆT NAM

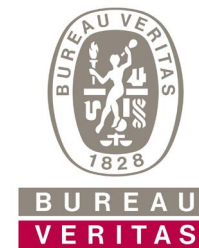
+ Gồm các công ty:

Bureau Veritas, Intertek, SGS, TÜV Rheinland, TUV Sud, Kotiti, Hohenstein Inst.

Các công ty đều có chi nhánh tại nhiều nước. Tại Việt Nam có phòng thử nghiệm tại TP HCM và Hà Nội.

+ Có tiềm lực mạnh và thị phần cao vì có khả năng cung cấp một dãy rộng các loại dịch vụ thí nghiệm, chứng nhận, giám định trên toàn thế giới.

+ Được công ty mẹ hỗ trợ hệ thống quản lý được thừa nhận quốc tế, có thiết bị hiện đại, hệ thống kiến thức, thị trường thử nghiệm và đặc biệt là đã được các nhà cung ứng hàng dệt may – da giấy trên thế giới chấp nhận.



TÜVRheinland®
Genau. Richtig.



KOTITI

HOHENSTEIN
INSTITUTE

1. Bureau Veritas (BV):

- Trụ sở tại TP. HCM và Hà Nội, là công ty thử nghiệm lớn nhất tại Việt Nam.
- BV có mặt ở 140 nước, với hơn 1000 văn phòng, 330 phòng thử nghiệm, 47.000 nhân viên và trên 370.000 khách hàng.
- Tại Việt Nam, BV thử nghiệm theo 37/TT-BCT cho khoảng 500 khách hàng, doanh thu trên 5 triệu USD/năm, chiếm 35% thị phần thử nghiệm tại Việt Nam. Có thiết bị hiện đại thể hệ mới cho thử nghiệm như (AAS, HPLC, GC/MS, LC/MS...).
- Lĩnh vực thử nghiệm: dệt may, da giấy, đồ chơi, các sản phẩm điện tử,...
- BV có thể thử nghiệm: độ bền màu, tính cháy, độ ổn định kích thước, ngoại quan, thành phần nguyên liệu và hầu hết các chỉ tiêu sinh thái: kim loại nặng, chất chống cháy, niken giải phóng, fomandêhit, thuốc nhuộm azo, thuốc nhuộm phân tán nhạy, các hợp chất cơ thiếc, parafin clo hóa, thuốc trừ sâu...



2. SGS Việt Nam:

Có mặt tại Việt Nam từ năm 1997, là tổ chức quốc tế đầu tiên về thử nghiệm, giám định và chứng nhận tại Việt Nam. Công ty được chứng nhận ISO 9001:2008; ISO 17020:1998 cho dịch vụ giám định và ISO 17025:2005 cho dịch vụ thử nghiệm, tham gia thử nghiệm theo 37/TT-BCT.

SGS thử nghiệm các chỉ tiêu cho sản phẩm, vật liệu hoàn tất dựa trên các tiêu chuẩn, các quy định, yêu cầu của khách hàng cho sản phẩm dệt may và da giấy. Doanh thu tại Việt Nam khoảng 1,5 triệu USD/năm.



3. Việt Nam:

Có mặt tại TP. HCM từ năm 1998, cung cấp các dịch vụ thử nghiệm, giám định và chứng nhận cho khách hàng dệt may trong nước và quốc tế. Intertek tham gia thử nghiệm theo TT 37/BCT và có khoảng 500 khách hàng (90% là KH nước ngoài và 10% các công ty VN), doanh thu khoảng 5 triệu USD.

4. Viện Hohenstein (Đức):

Đến Việt Nam (TP. HCM) từ năm 2004 với mục đích chính là phát triển nhãn Oekotex 100. Các lĩnh vực thử nghiệm: dệt may, da giấy, ô tô, y tế, hàng tiêu dùng...

Tại VN, Viện có khoảng 50 khách hàng sử dụng nhãn Oekotex 100 và không tham gia thử nghiệm theo Thông tư 37/BCT. Hohenstein chưa phát triển các chỉ tiêu thử nghiệm về xơ, sợi, mới thử nghiệm một số chỉ tiêu hóa dệt; đặc biệt phát triển và mở rộng các phương pháp thử các chỉ tiêu sinh thái và các chất độc hại theo tiêu chuẩn Oekotex 100.



5. TÜV Rheinland (Đức):

Cung cấp dịch vụ kỹ thuật, an toàn và chứng nhận phạm vi toàn cầu. Có mặt tại 500 địa điểm trên 66 quốc gia. Tại Việt Nam, thực hiện thử nghiệm theo Thông tư 37/BCT và các lĩnh vực khác (phân tích vi sinh, các tính chất cơ lý, hóa của thực phẩm, thử nghiệm an toàn đồ chơi, hàng dệt may, nhựa, da, điện, điện tử). Phòng thí nghiệm trang bị các thiết bị thí nghiệm thử các chỉ tiêu về độ bền màu, độ ổn định kích thước, ngoại quan và các chỉ tiêu sinh thái DM. Tại VN Viện chưa phát triển thử nghiệm cơ lý, thử nghiệm hóa mà chủ yếu tập trung vào các chỉ tiêu bền màu và sinh thái dệt.



V.5 CÁC DỊCH VỤ THỬ NGHIỆM CỦA VIỆT NAM

a. Gồm các tổ chức:

- Các đơn vị thuộc Quatest 1, 2, 3, Vinacontrol và Viện Dệt May, Viện Da Giấy.
- Có hệ thống thử nghiệm chất lượng được công nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO/EC 17025: 2005. Trong đó Quatest 3 và Viện Dệt May có năng lực cung cấp thử nghiệm nhiều chỉ tiêu dệt may, da giấy, chỉ tiêu an toàn và sinh thái.
- Các tổ chức thử nghiệm này có xuất xứ sở hữu Nhà nước và thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về chất lượng sản phẩm dệt may – da giấy; thực hiện thử nghiệm cho các công ty, các nhà bán lẻ, kinh doanh hàng sản phẩm ở thị trường trong nước.
- Mặc dù được đầu tư về năng lực thử nghiệm, trang thiết bị, nhân lực và hệ thống quản lý, nhưng các tổ chức thử nghiệm trong nước còn gặp trở ngại trong hoạt động thử nghiệm cho sản phẩm xuất khẩu, nhất là tại EU và Mỹ là hai thị trường xuất khẩu chủ lực của Việt Nam.



b. Khó khăn, rào cản đối với các tổ chức thử nghiệm của Việt Nam

Các tổ chức thử nghiệm trong nước gặp rất nhiều khó khăn và rào cản trong việc được công nhận kết quả thử nghiệm ở các nước nhập khẩu. Một phần do trình độ, năng lực và mức độ phát triển khác nhau, nhưng quan trọng hơn là chưa ký kết công nhận song phương giữa các quốc gia hoặc của nước nhập khẩu (EU, Hoa Kỳ).

Quatest 1

1. QUATEST 1

Trụ sở tại Hà Nội, là đơn vị thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường-Chất lượng (Bộ KH-CN) phục vụ công tác quản lý Nhà nước và dịch vụ theo yêu cầu, tham gia thử nghiệm theo TT 32/BCT.

Quatest 1 có phòng thí nghiệm và dịch vụ về các sản phẩm điện tử, thực phẩm, hàng tiêu dùng bao gồm sản phẩm DM và đồ chơi. Số lượng thử nghiệm DM chiếm khoảng 30% doanh số của phòng thử nghiệm hàng tiêu dùng và chiếm 10% so với doanh số của Trung tâm. Quatest 1 không có thiết bị cho thử nghiệm các chỉ tiêu sinh thái dệt, chỉ thực hiện một số phép thử cơ lý và hóa cho vật liệu dệt.



2. QUATEST 3:

Là một trung tâm thử nghiệm trong nước lớn nhất VN, thành lập năm 1976. Văn phòng tại TP HCM và PTN tại KCN Biên Hòa, cung cấp các dịch vụ KT cho nhiều lĩnh vực như sản phẩm may mặc, đồ nội thất, sản phẩm tiêu dùng, các sản phẩm hóa học và xăng dầu, môi trường.

Quatest 3 hoạt động theo ISO 9001 và ISO/IEC 17025 cho PTN; SO/IEC 17020 cho các dịch vụ giám định và ISO/IEC Guide 65 cho việc chứng nhận các dịch vụ và sản phẩm. Thiết bị thử nghiệm (đặc biệt đối với các phép thử sinh thái) được trang bị mới, hiện đại và điều kiện thử nghiệm được trang bị để đạt được các phép thử có độ tin cậy cao, tham gia thử nghiệm theo TT 37/TT-BCT.

3. Vinacontrol:

Là tổ chức giám định hàng hóa có 80 nhân viên với trình độ là các cử nhân, kỹ sư chuyên ngành. Đối với lĩnh vực dệt may – da giấy, Vinacontrol chủ yếu là thực hiện giám định hàng hóa và chứng nhận chất lượng theo Thông tư 37/TT-BCT. Vinacontrol không có phòng thí nghiệm dệt may mà chỉ sử dụng dịch vụ của Viện Dệt May, Quatest 3 để làm giám định.



4. Viện Dệt May:

Có Trung tâm thí nghiệm dệt may ở Hà Nội và TP HCM, hoạt động theo hệ thống quản lý chất lượng ISO/IEC 17025. Trun gtâm thử nghiệm được đầu tư các trang thiết bị thí nghiệm tiên tiến, hiện đại cung cấp các dịch vụ thử nghiệm trong lĩnh vực DM theo các tiêu chuẩn quốc tế: BS, EN, ISO, DIN, ASTM, AATCC, TCVN, JIS,...

Có khả năng thử nghiệm hầu hết các chỉ tiêu về cơ lý, hóa của nguyên liệu, bán thành phẩm và thành phẩm dệt may, da giấy. Có khả năng thử nghiệm các chỉ tiêu sinh thái, các chất bị cấm và hạn chế cũng như các chất có mối quan ngại cao đáp ứng yêu cầu của các nước, các nhà bán lẻ lớn tại Mỹ, EU, Nhật, Hàn Quốc,... Viện dệt may là đơn vị được Bộ Công Thương chỉ định là tổ chức giám định chất lượng theo TT 37/BCT.



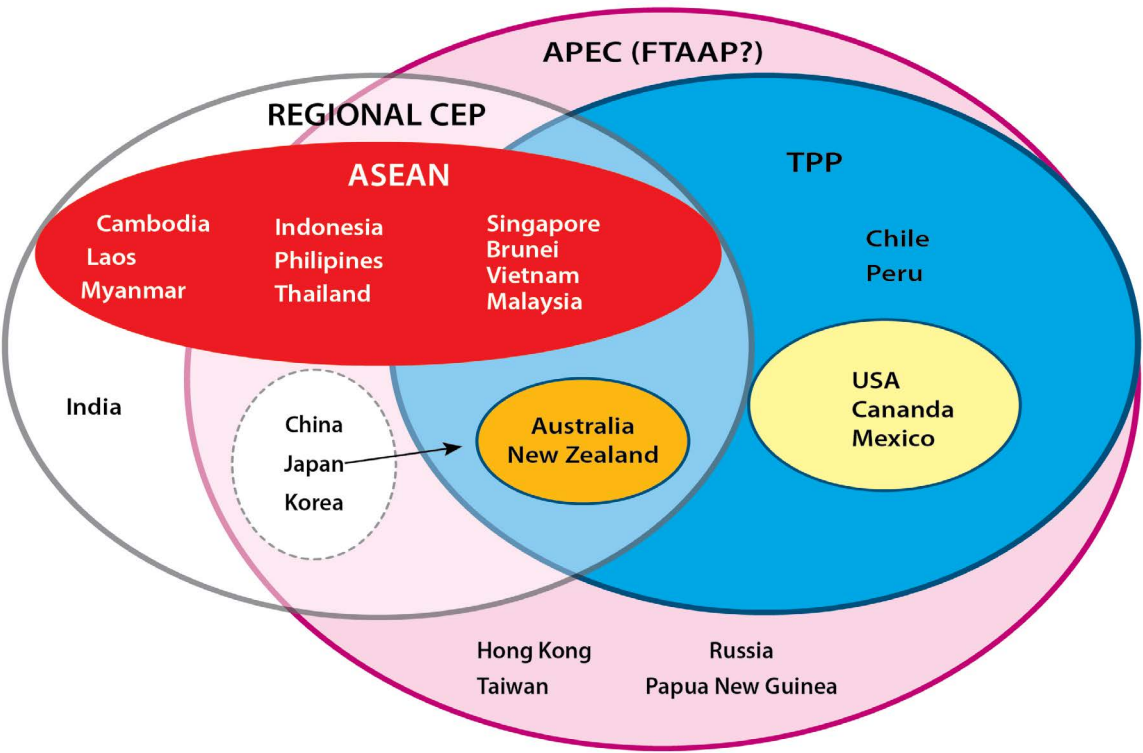
V.6 TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG THỬ NGHIỆM TẠI VIỆT NAM



- + Dịch vụ thử nghiệm ngày càng phát triển theo sự tăng trưởng của ngành hàng và có doanh số tốt trong 05 năm gần đây.
- + Năng lực các phòng thử nghiệm tại Việt Nam mới chỉ đáp ứng gần 50% tổng kim ngạch XK hàng dệt may và Da-giấy trong đó các phòng thử nghiệm của nước ngoài chiếm tới 88% năng lực thử nghiệm trong nước.
- + Các chỉ tiêu thử nghiệm của Dệt may và Da Giấy vẫn chưa thực hiện được đầy đủ trong nước do thiếu trang thiết bị và do sự chỉ định thử nghiệm của khách hàng.
- + Một số các phòng thử nghiệm có vốn đầu tư nước ngoài (Intertek, BV...) trong 02 năm gần đây đã đầu tư mở rộng hoạt động sang lĩnh vực giấy dép.
- + Các các phòng thử nghiệm nước ngoài hoạt động tốt hơn các các phòng thử nghiệm Việt nam do trình độ nhân lực và trang thiết bị đầu tư hoàn chỉnh hơn.
- + Số lượng các các phòng thử nghiệm tại Việt Nam rất ít (12) so với nhu cầu hiện nay và sắp tới.
- + Các DN xuất khẩu lớn hầu hết có trang bị các phòng thử nghiệm ngay tại Nhà máy, song chủ yếu là thử nghiệm cơ lý.
- + Nếu Nhà nước ban hành đầy đủ các QCVN và TCVN, nhu cầu thử nghiệm tại Việt Nam sẽ tăng nhanh, buộc các Phòng thử nghiệm trong nước phải tăng cường đầu tư mở rộng và hiện đại hóa trang thiết bị

VI. ĐÀM PHÁN MỞ CỬA THỊ TRƯỜNG DA-GIẤY TRONG CÁC FTA VÀ TPP CỦA VIỆT NAM VỚI CÁC NƯỚC

Mục đích: giúp Việt Nam trở thành điểm đến của chuỗi cung ứng sản phẩm giấy dép, túi xách toàn cầu



VI.1. KIM NGẠCH XUẤT KHẨU DA – GIẤY CỦA VIỆT NAM

Kim ngạch xuất khẩu

Sản phẩm	2013	2014	2015	4 tháng 2016 (Ước)	
	Tỷ USD	Tỷ USD	Tỷ USD	Tỷ USD	Tăng so 4/2015
Giày Dép	8,5	10,3	12.00	3,69	4,8%
Túi xách	1,9	2,53	2.88	1,04	10,8%
tổng	10,40	12,85	14.88	4,73	6,0%

Kim ngạch xuất khẩu giày dép theo thị trường

THỊ TRƯỜNG	2015		4 tháng 2016	
	USD	Thị phần	USD	Thị phần
EU	4.000	33.0%	1.186	31.6%
Bắc mỹ	4.316	35.8%	1.389	37.0%
Châu Á	2.279	18.9%	748	19.9%
Mỹ Latinh	751	6.2%	212	5.6%
Khác	729	6.1%	222	5.9%
tổng	12.075	100.0%	3.757	100.0%

THỊ TRƯỜNG XK CHỦ YẾU

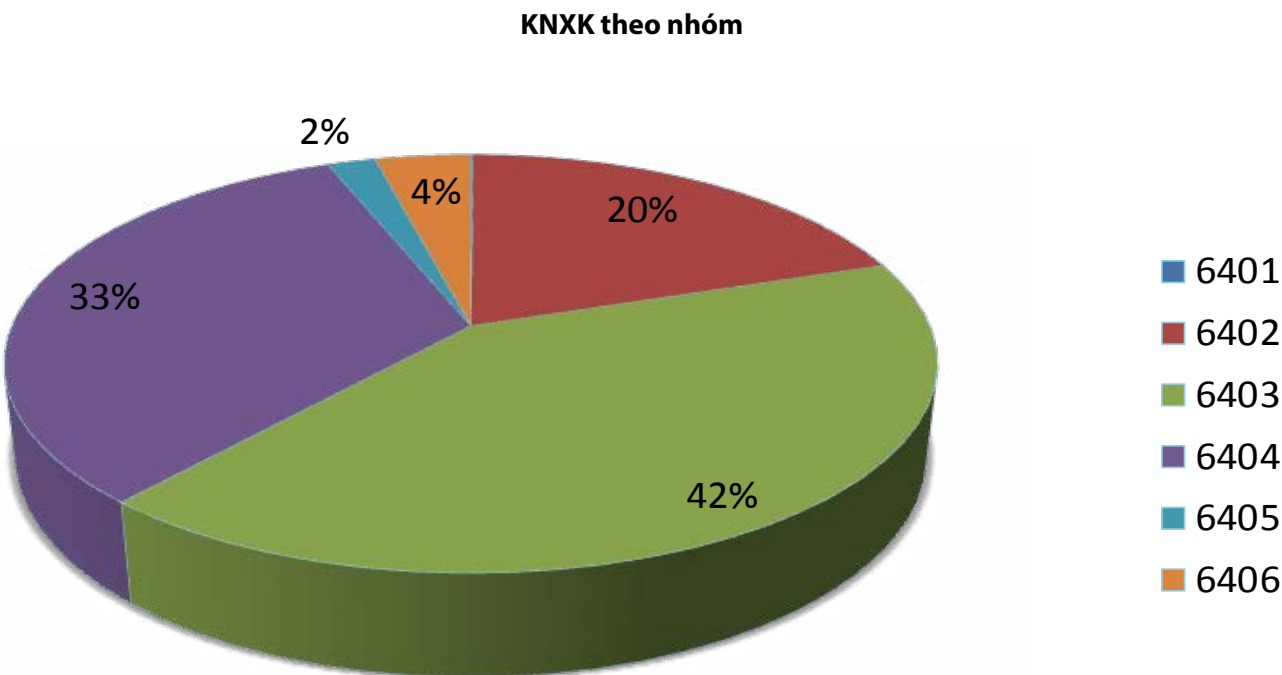
EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Canada, Mexico, Nga (trong khuôn khổ các FTA TPP, EVFTA, Liên minh Hải quan là một trong các đối tác lớn nhất NK giày dép của VN.

Tổng kim ngạch xuất khẩu sang 6 thị trường này đạt 6,3 tỷ USD, chiếm gần 86% trong tổng KNXK giày dép của cả nước (2013).

THỊ PHẦN XUẤT KHẨU DA – GIẤY TRÊN TỔNG KIM NGẠCH XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM (2015)

Thị trường	Hoa Kỳ	Nhật Bản	EU	Liên Minh Á - Âu
Thị phần	8.2%	6.7%	11.6%	4.2%

CƠ CẤU GIÀY DÉP XUẤT KHẨU THEO NHÓM SẢN PHẨM



VI.2 CAM KẾT GIẢM THUẾ TRONG CÁC FTA ĐÃ KÝ ĐỐI VỚI DA-GIẦY (HS 64)

Mức thuế	Australia (AAN FTA)	New Zealand (AAN FTA)	Trung Quốc (ACFTA)	Hàn Quốc (AKFTA)	Nhật Bản (AJFTA)
Thuế TB năm 2014	0%	7%	0%	0%	5%
Thuế TB năm 2020	0%	0%	0%	0%	4%

THUẾ NHẬP KHẨU MFN TRUNG BÌNH CỦA MỘT SỐ NƯỚC

	Hoa Kỳ	Nhật Bản	EU		Liên Minh Hải Quan
			MFN	GSP	
Sản phẩm giấy dép	19%	13%	12%	9.5%	10%
Nguyên Phụ Liệu Giày Dép	10%	17%	3%	0%	0%



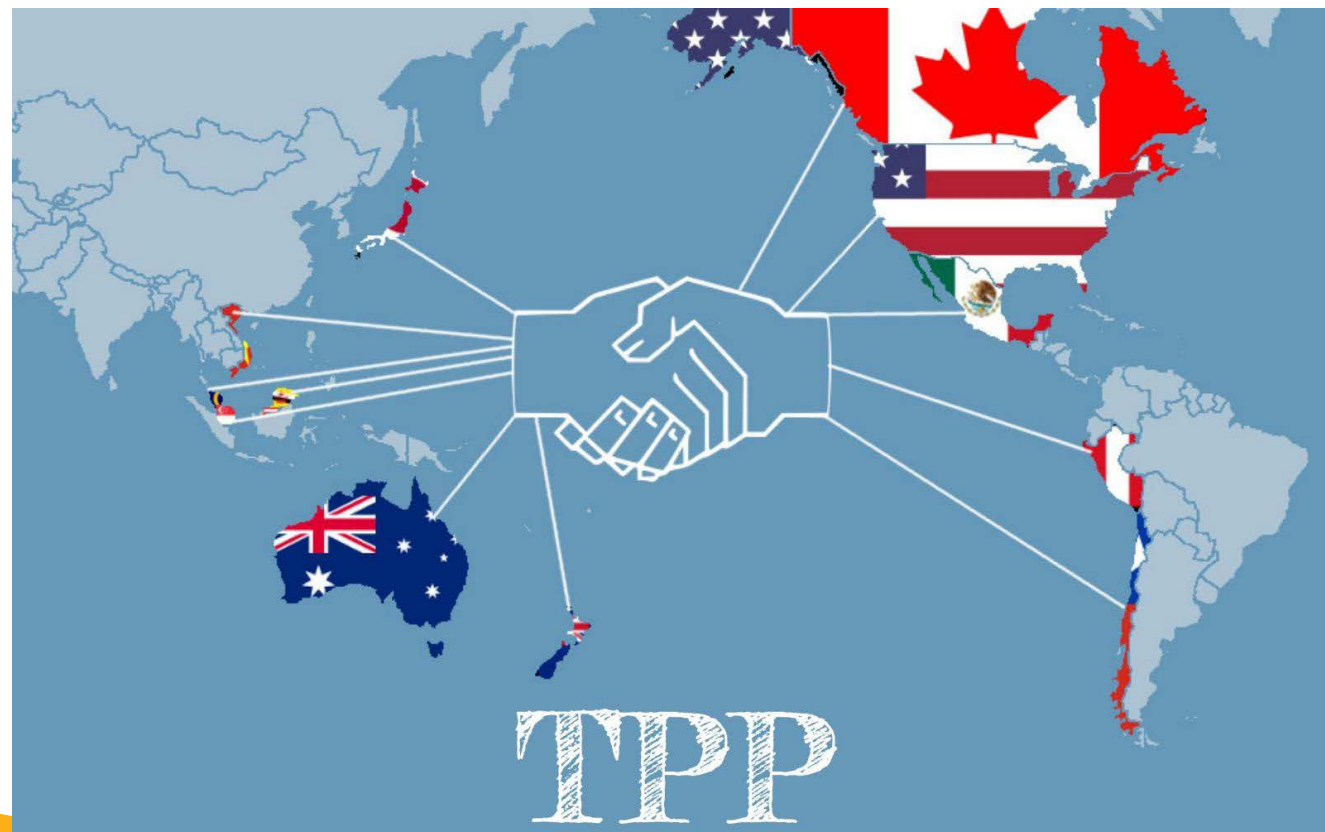
VI.2 CAM KẾT GIẢM THUẾ TRONG CÁC FTA ĐÃ KÝ ĐỐI VỚI DA-GIẤY (HS 64)

Hiệp định TPP- Hoa Kỳ:

- Xóa bỏ thuế quan hoàn toàn
- Thuế 0% ngay khi HD có hiệu lực: 85% dòng thuế, 40% kim ngạch XK
- Giảm dần đều, về 0% vào năm thứ 5 và 7: 5% dòng thuế, 2,2% kim ngạch
- Giảm 40%-55% năm đầu tiên, xóa bỏ thuế sau 10-12 năm
- Giữ nguyên thuế suất MFN trong 8 năm, giảm dần đều trong 4 năm tiếp theo và về 0% vào năm thứ 12.

Hiệp định TPP- Canada

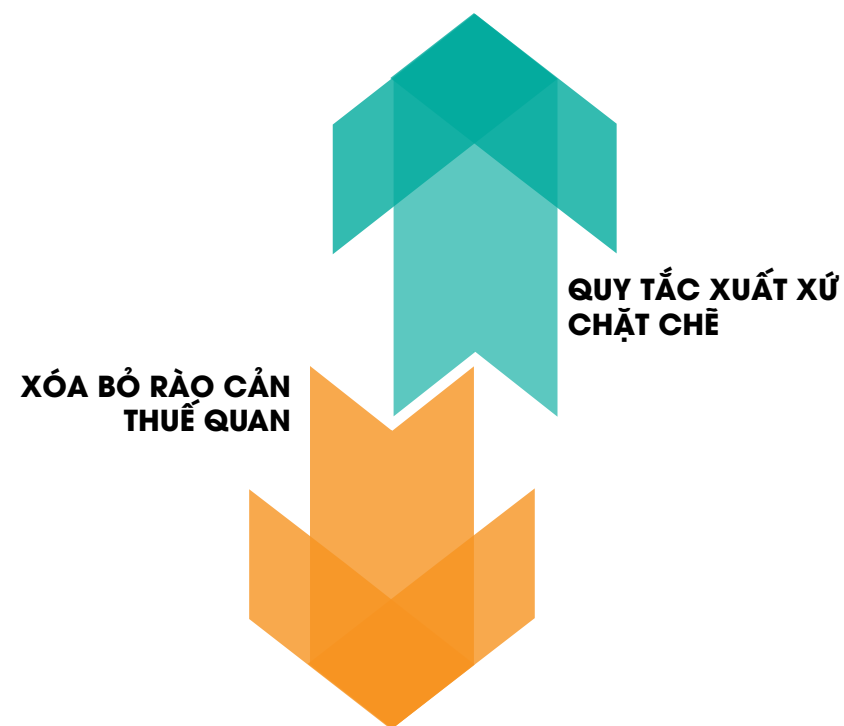
- Xóa bỏ thuế hoàn toàn
- Đa số thuế 0% ngay khi HD có hiệu lực
- Tách dòng giấy mũ da: giấy thể dục (ngay) và dép (10 năm)
- 1 dòng giấy vải: thuế MFN 8 năm, giảm dần đều 4 năm
- 1 dòng giấy mũ da: giảm 75% thuế MFN



Hiệp định TPP- Nhật Bản:

- Hiệp định ASEAN – Nhật Bản và Việt Nam – Nhật Bản
 - Thuế 0% năm 2019
 - Quy tắc xuất xứ: CC, đáp ứng tốt
- Giá trị gia tăng trong TPP
 - Giấy da: Xóa bỏ thuế hoàn toàn sau 15 năm
 - 21 dòng thuế: Thuế MFN 21%-30%
 - Việt Nam xuất khẩu: 60 triệu USD
 - Nhập Bản NK từ Thế giới: 453 triệu USD
 - Quy tắc xuất xứ linh hoạt hơn

VII. QUY TẮC XUẤT XỨ VÀ TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG



QUY TẮC XUẤT XỨ FTA ĐÃ KÝ

- ◆ ASEAN, ASEAN-Trung Quốc, ASEAN-Hàn Quốc, ASEAN Úc New Zealand, ASEAN - Ấn Độ: Quy tắc linh hoạt là CTH (chuyển đổi nhóm), cho phép nhập khẩu các bộ phận của giày (bao gồm cả mũ giày).
- ◆ ASEAN-Nhật Bản, Việt Nam-Nhật Bản: Quy tắc chặt. CC (chuyển đổi chương), yêu cầu toàn bộ các bộ phận sử dụng để sản xuất ra đôi giày phải được sản xuất tại Việt Nam hoặc mua từ các nước trong khối FTA.

! Lưu ý: Các nguyên liệu như da (chương 42), vải (chương 58) hay bất kỳ nguyên liệu nào khác ngoài Chương 64 được nhập khẩu không giới hạn.

QUY TẮC XUẤT XỨ - TPP

- Chuyển đổi chương; hoặc
- Chuyển đổi nhóm HS (CTH) + RVC:

- Mũ giày và các bộ phận mũ giày (phân loại ở HS 6406.10), mũ giấy hoàn chỉnh thuộc HS 6406.90- sản xuất tại Việt Nam hoặc nhập khẩu từ các nước TPP, kèm theo phải đáp ứng tỷ lệ giá trị khu vực RVC 45% theo phương pháp trực tiếp hoặc 55% theo phương pháp tính gián tiếp

- RVC sẽ giới hạn về việc sử dụng nguyên phụ liệu như da, vải ... nhập khẩu từ ngoài các nước TPP.



Phân loại HS 6406 – Bộ phận giày

HS6406 Các bộ phận của giày, dép (kể cả mũ giày đã hoặc chưa gắn đế trừ đế ngoài); miếng lót của giày, dép có thể tháo rời, gót giày và các sản phẩm tương tự; ghệt, quần ôm sát chân và các sản phẩm tương tự, và các bộ phận của chúng.

- **6406.10** Mũ giày và các bộ phận của chúng, trừ miếng lót bằng vật liệu cứng trong mũ giày
- **6409.20** Đế ngoài và gót giày, bằng cao su hoặc plastic
- **6409.90** Loại khác

Phân loại HS 6406 – Bộ phận giày

Công thức tính RVC trực tiếp: dựa trên giá trị nguyên liệu có xuất xứ

$$RVC = \frac{\text{Giá trị nguyên liệu có xuất xứ} \times 100}{\text{Giá trị hàng hóa}}$$

Công thức tính RVC gián tiếp: dựa trên giá trị nguyên liệu không có xuất xứ

$$RVC = \frac{\text{Giá trị hàng hóa} - \text{Giá trị nguyên liệu không XX} \times 100}{\text{Giá trị hàng hóa}}$$

VIII. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

CƠ HỘI:

- ◆ Tăng khả năng tiếp cận thị trường, đẩy mạnh sản xuất, đầu tư và xuất khẩu
- ◆ Phát triển sản phẩm giá trị gia tăng cao do có lợi thế về giá đối với các đối thủ cạnh tranh khác như Trung Quốc, Indonesia ...
- ◆ Phát triển công nghiệp phụ trợ, nguyên phụ liệu giày dép.
- ◆ Tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu
- ◆ Tạo thêm việc làm cho người lao động



THÁCH THỨC

- ◆ Liệu có khả năng tận dụng hiệu quả cơ hội do Hiệp định TPP đem lại?
 - Có hàng để xuất khẩu?
 - Đáp ứng được tiêu chí xuất xứ?
 - Có cạnh tranh để tham gia được vào chuỗi cung ứng nguyên phụ liệu?
- ◆ Hấp thụ đầu tư trong nước và nước ngoài
 - Môi trường – Nguồn nước
 - Thiếu hụt lao động, lao động có tay nghề cao
- ◆ Quản lý gian lận thương mại về xuất xứ hàng hóa
- ◆ Sự tham gia của doanh nghiệp vừa và nhỏ
- ◆ Nâng cao tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm



IX. CÁC GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

GIẢI PHÁP CỦA NGÀNH DA GIẤY TRONG VIỆC ĐÁP ỨNG CÁC HÀNG RÀO KỸ THUẬT ĐỒNG THỜI NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA DOANH NGHIỆP.



1. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHUNG

1.1. Giải pháp của ngành Da Giấy.

- Tập trung giảm chi phí sản xuất trên một đơn vị sản phẩm, triển khai các hoạt động liên quan: ứng dụng công nghệ mới, áp dụng phương thức tổ chức quản lý sản xuất hiệu quả, cơ cấu lại lao động trong doanh nghiệp, thực hành tiết kiệm...
- Chủ động xâm nhập và phát triển thị trường, từng bước xây dựng thương hiệu sản phẩm và danh tiếng doanh nghiệp, đặc biệt cần liên kết bảo vệ chất lượng sản phẩm được sản xuất tại Việt Nam (thương hiệu Việt Nam) trên thị trường quốc tế. Mỗi doanh nghiệp cần phân tích kỹ các lợi thế để xây dựng chiến lược kinh doanh và phát triển thị trường linh hoạt, lựa chọn các sản phẩm ưu tiên, tạo tính khác biệt và nét độc đáo của sản phẩm. Phát triển hệ thống phân phối và các dịch vụ liên quan.
- Sắp xếp lại sản xuất - kinh doanh: những gì bất hợp lý phải sắp xếp lại, giảm thiểu tối đa ô nhiễm, cải thiện điều kiện lao động và đảm bảo tốt các chế độ cho người lao động nhằm ổn định nguồn nhân lực và tiết kiệm chi phí đào tạo.
- Phát triển mạnh các cơ sở sản xuất và tổ chức tốt dịch vụ cung ứng nguyên phụ liệu trong nước, với giá cả cạnh tranh, phục vụ kịp thời, có các biện pháp giảm chi phí đầu vào.
- Tập trung phát triển các sản phẩm có giá trị gia tăng trong nước cao, tăng cường các hoạt động liên kết, tạo lập kênh thông tin hữu hiệu, nắm bắt kịp thời diễn biến, thay đổi của thị trường sở thích của người tiêu dùng ...
- Chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, coi đây là yếu tố quan trọng quyết định trong quá trình phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.



1.2. Giải pháp của doanh nghiệp ngành Da Giầy.

- Lựa chọn chiến lược sản phẩm phù hợp với điều kiện của từng doanh nghiệp;
- Đáp ứng đầy đủ yêu cầu về chất lượng sản phẩm, tiêu chuẩn môi trường, các yêu cầu về thực hiện tốt Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp;
- Thực hiện đầu tư mở rộng theo quy hoạch, góp phần chuyển dịch cơ cấu ngành;
- Đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của toàn ngành;
- Chú trọng đào tạo đội ngũ thiết kế và phát triển sản phẩm, đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ kinh doanh giỏi;
- Tăng cường các hoạt động liên kết thúc đẩy phát triển sản xuất.



2. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ BIỆN PHÁP CỤ THỂ

2.1. Một số giải pháp cụ thể:

- Tăng cường hoạt động phổ biến, tuyên truyền về vai trò và tác động của hàng rào kỹ thuật trong thương mại đối với sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng sản phẩm hàng hóa trong toàn ngành Da - Giầy.
- Xây dựng và áp dụng Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật và Quy trình đánh giá sự phù hợp liên quan đến sản phẩm Da - Giầy.
- Hỗ trợ xây dựng và áp dụng các Hệ thống quản lý tiên tiến và các công cụ cải tiến để nâng cao năng suất và chất lượng của các doanh nghiệp ngành Da - Giầy.
- Phổ biến áp dụng và đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp.
- Đánh giá trình độ chất lượng của sản phẩm, hàng hoá và đo lường năng suất của ngành Da-Giầy.

2.2. Các biện pháp thực hiện.

- Biện pháp về công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức về hiệp định TBT và phong trào năng suất và chất lượng.
- Biện pháp về tổ chức và nhân lực.
- Biện pháp về tài chính.
- Biện pháp về hợp tác quốc tế.



3. MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ

a. Đối với cơ quan quản lý nhà nước

- Ngành Da Giầy cần xây dựng và hoàn thiện một hành lang pháp lý kỹ thuật cho các sản phẩm và hàng hoá Da Giầy.
- Tăng cường minh bạch hóa thông tin cho mọi đối tượng áp dụng.
- Tăng cường các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp mà không vi phạm các nguyên tắc cơ bản của các Hiệp định của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).
- Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp thông qua các Hiệp định Thương mại tự do (FTA) song phương, khu vực và đa phương.
- Nhà nước đổi mới đồng bộ chính sách và cơ chế quản lý theo hướng kinh tế thị trường để tăng sức cạnh tranh cho các doanh nghiệp.



b. Đối với Ngành Da Giầy (Viện, Hiệp hội)

- Thiết lập đầu mối thu thập, cập nhật và phổ biến thông tin về hàng rào kỹ thuật toàn diện tại các thị trường xuất khẩu đích và các thị trường mà ngành hướng tới. Bộ phận này phải hoạt động thường xuyên và đều đặn.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu về hệ thống hàng rào kỹ thuật của các nước đối với sản phẩm Da Giầy và CSDL về hệ thống hàng rào kỹ thuật của Việt nam.
- Tổ chức các khóa đào tạo, hội thảo hướng dẫn doanh nghiệp về áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp của các thị trường xuất khẩu và Việt Nam.
- Hỗ trợ cung cấp thông tin cho doanh nghiệp về các hoá chất thân thiện với môi trường, đặc biệt là cập nhật thường xuyên Quy định REACH của châu Âu.
- Hỗ trợ nghiên cứu công nghệ thích ứng cho quá trình sản xuất thân thiện môi trường và áp dụng sản xuất sạch hơn vào quá trình sản xuất của doanh nghiệp.
- Xây dựng và thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật hài hoà với các quy chuẩn hiện hành trên thế giới.
- Tư vấn và chủ động tham gia xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp, phù hợp với thực tế của Việt Nam và không trái với thông lệ quốc tế.
- Phối hợp với Bộ Công Thương để xây dựng các biện pháp kỹ thuật cho ngành Da - Giầy trong khuôn khổ dự án do Bộ Công thương chủ trì (Dự án nâng cao năng suất chất lượng, dự án "Xây dựng các biện pháp kỹ thuật để triển khai áp dụng trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu bảo đảm sự phù hợp với quy định của Hiệp định TBT và pháp luật Việt Nam, không gây ảnh hưởng tới an toàn cho người, động vật, thực vật, bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng"...).
- Chuẩn bị nguồn nhân lực có chất lượng để có thể sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu và hội nhập kinh tế quốc tế của Ngành Da Giầy.
- Thực hiện vai trò điều phối, liên kết giữa các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong việc thực thi Hiệp định TBT của ngành Da Giầy.
- Tăng cường các hoạt động hợp tác quốc tế để nâng cao năng lực tổ chức cho toàn ngành Da Giầy.



c. Đối với Doanh nghiệp.

- Chủ động trong việc tìm kiếm các thông tin liên quan đến sản phẩm hàng hoá của mình, cũng như việc nghiên cứu và cập nhật các quy định TBT mới của các nước nhập khẩu.
- Chủ động tham gia tích cực vào quá trình xây dựng, ban hành và áp dụng Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật và Quy trình đánh giá sự phù hợp.
- Chủ động áp dụng Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật và Quy trình đánh giá sự phù hợp cho các sản phẩm hàng hoá của mình.
- Tham gia áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, phong trào nâng suất chất lượng.
- Đổi mới công nghệ và phát triển bền vững.
- Đào tạo nguồn nhân lực.



